

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST**

**Ngày: 16/6/2020**

**V/v: “ Xin ly hôn, nuôi con ”.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/Ông Nguyễn Thanh Bình

2/bà Nguyễn Thị Thanh Loan

*Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:*

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2020/TLST-HN ngày 9 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HN ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị M L, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Cư trú: Tổ 16, ấp T H, xã T T, B T, Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh K, sinh năm 1973 (có mặt)

Cư trú: Tổ 16, ấp T H, xã T T, B T, Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 5/3/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Cao Thị M L trình bày: Vào năm 1994, chị Cao Thị M L và anh Võ Thanh K do quen biết nhau, nên tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nữ trang ngày cưới gồm: 1 chỉ vàng 18k, số nữ trang này vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Vợ chồng không ký kết hôn.

Sau khi cưới, vợ chồng sống bên chồng tại tổ 16, ấp T H, xã T T, huyện B T, Vĩnh Long. Vợ chồng sống rất hạnh phúc khoảng 15 năm và sinh được 3 con chung tên Võ Nhựt L, sinh ngày 3/5/1995, đã trưởng thành và đi làm thuê; Võ Thế B, sinh ngày 7/2/1997, hiện có gia đình riêng; Võ Mỹ D, sinh ngày 8/12/2005, hiện đang sống với chúng tôi.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Do anh K có người phụ nữ khác bên ngoài, mỗi lần anh K nhậu về kiểm chuyện chửi mắng chị L, chính vì vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề

sau: Về hôn nhân: chị L xin được ly hôn anh Võ Thanh K. Về con chung: Võ Nhựt L, sinh ngày 3/5/1995; Võ Thế B, sinh ngày 7/2/1997 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Võ Mỹ D, sinh ngày 8/12/2005, chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu D, chị L không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

\* Theo đơn phản tố ngày 11/5/2020 của bị đơn Võ Thanh K trình bày: Vào năm 1994, anh Võ Thanh K và chị Cao Thị M L do quen biết nhau, nên tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nữ trang ngày cưới gồm: 1 chỉ vàng 18k, số nữ trang này vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Vợ chồng không ký kết hôn.

Sau khi cưới, vợ chồng sống bên chồng tại tổ 16, ấp T H, xã T T, huyện B T, Vĩnh Long. Vợ chồng sống rất hạnh phúc khoảng 15 năm và sinh được 3 con chung tên Võ Nhựt L, sinh ngày 3/5/1995, đã trưởng thành và đi làm thuê; Võ Thế B, sinh ngày 7/2/1997, hiện có gia đình riêng; Võ Mỹ D, sinh ngày 8/12/2005, hiện đang sống với anh K.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Do chị L không chung thủy với anh K, chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Kiệt yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: anh Kiệt xin được ly hôn chị Cao Thị M L. Về con chung: Võ Nhựt L sinh ngày 3/5/1995, Võ Thế B, sinh ngày 7/2/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Võ Mỹ D, sinh ngày 8/12/2005, anh K yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

\* Tại phiên tòa:

- Anh Võ Thanh Kiệt trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: Do chị L không chung thủy với anh K, anh K bắt gặp chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K yêu cầu giải quyết: Về hôn nhân: anh K xin được ly hôn chị Cao Thị M L. Về con chung: Võ Nhựt L, sinh ngày 3/5/1995, Võ Thế B, sinh ngày 7/2/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Võ Mỹ D, sinh ngày 8/12/2005, anh K yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn,

nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên hòa giải ngày 28/5/2020 chị L xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị L với tư cách là nguyên đơn, anh Kiệt có yêu cầu phản tố. Áp dụng điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tư cách tham gia tố tụng anh K là nguyên đơn, chị L là bị đơn.

- Chị Cao Thị M L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1994, anh Võ Thanh K và chị Cao Thị M L kết hôn với nhau, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì chị L cho rằng anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Anh K cho rằng anh đã bắt gặp chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, Tại phiên hòa giải ngày 28/5/2020 chị L thừa nhận việc làm sai trái của mình và còn thương chồng và thương con nên chị L xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu đoàn tụ gia đình. Anh K cương quyết giữ nguyên yêu cầu phản tố xin ly hôn. Xét thấy chị L và anh K đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh và chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị L và anh K đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ yêu cầu khởi kiện Cao Thị Mỹ Lệ. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Võ Thanh K. Tuyên bố không công nhận Võ Thanh K và chị Cao Thị M L là vợ chồng.

[4] Xét về con chung: Anh Võ Thanh K và chị Cao Thị M L sống chung với nhau có sinh được 3 con chung tên Võ Nhựt L, sinh ngày 3/5/1995, Võ Thế B, sinh ngày 7/2/1997 đã trưởng thành; Võ Mỹ D, sinh ngày 8/12/2005. Hiện cháu D đang sống chung với K. Anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh K đang nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D, để đảm bảo ổn định môi trường sống, học tập và sinh hoạt hàng ngày của cháu D không bị thay đổi nên để cho anh K được tiếp tục nuôi cháu Võ Mỹ D, sinh ngày 8/12/2005 đến khi cháu D đủ 18 tuổi cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu, không trái quy định của pháp luật. Anh K không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Do đó áp dụng Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh K.

Chị Cao Thị M L được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Trả lại chị Cao Thị M L số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011372 ngày 5/3/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

- Buộc anh Võ Thanh K nộp 300.000 đồng. Anh K được khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011424 ngày 11/5/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu. Vậy anh K không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 217, 218, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị M L. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị M L.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Võ Thanh K.

1/Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Võ Thanh K và chị Cao Thị M L là vợ chồng.

2/Về con chung: Anh Võ Thanh K được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Mỹ D, sinh ngày 8/12/2005 đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Võ Thanh K không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Cao Thị M L được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng chị L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Trả lại chị Cao Thị M L số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011372 ngày 5/3/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

- Buộc anh Võ Thanh K nộp 300.000 đồng. Anh Kiệt được khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011424 ngày 11/5/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu. Vậy anh K không phải nộp thêm.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn anh Võ Thanh K biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Cao Thị M L xin vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- Chi cục THADS.H Bình Tân 01;
- UBND xã Thành Trung (h. Bình Tân, VL);
- Các đương sự 02;
- Lưu 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃN KÝ)

**Phạm Thành Tựu**